		48					31,262,529,590	75,655,362,642	71,259,216,621	105	35,658,675,506
DT	Mã KH	Danh sách khách	Nhóm Khách	Tên Nhân viên	Phòng	Vùng miền	Tiền KH Nợ đầu	Tiền KH_Nợ phát sinh	Tiền thu KH_ trong kỳ	Cấn trừ trả NCC	Tiền Nợ cuối phải thu KH
DT032	KH00006	vũ đình	SX	Văn	PKD 3	Bắc	-	1,528,094,300	1,031,057,900	-	497,036,400
	KH00010	vĩnh giang	SX	Huyền	PKD 1	Bắc	-	501,313,500	-	-	501,313,500
	KH00013	vật tư hải phòng	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	513,817,200	1,108,875,670	1,029,456,741	-	593,236,129
	KH00016	vạn thành phát	SX	Văn	PKD 3	Bắc	646,242,123	1,022,874,000	1,100,000,000	-	569,116,123
DT025	KH00021	trường phát	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	489,686,161	2,022,921,000	2,005,724,596	-	506,882,565
DT017	KH00023	triệu anh	SX	Văn	PKD 3	Bắc	181,383,300	1,497,532,600	1,259,487,300	-	419,428,600
DT016	KH00034	thiệp bình	TM	Văn	PKD 3	Bắc	-	2,558,966,000	2,442,594,000	-	116,372,000
	KH00037	thiên đại dương	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	1,820,101,714	1,091,107,240	1,150,000,000	-	1,761,208,954
DT005	KH00042	thép hà nội	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	667,589,217	-	-	105	667,589,112
DT026	KH00043	thép đông anh	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	-	1,484,334,522	1,457,525,999	-	26,808,523
DT030	KH00045	thảo ngọc	SX	Văn	PKD 3	Bắc	294,853,100	86,290,400	200,766,600	-	180,376,900
DT027	KH00049	thanh hường	SX	Văn	PKD 3	Bắc	650,103,336	2,630,099,290	2,800,000,000	-	480,202,626
	KH00059	thái an	TM	Huyền	PKD 1	Bắc	1,483,409,554	1,267,712,908	2,291,133,394	-	459,989,068
	KH00076	phương hùng	SX	Huyền	PKD 1	Bắc	49,826,400	-	40,000,000	-	9,826,400
	KH00084	pbqn	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	1,589,092,648	1,722,874,400	1,500,000,000	-	1,811,967,048
	KH00085	ổn hd	SX	Văn	PKD 3	Bắc	-	479,094,000	-	-	479,094,000
DT019	KH00086	oanh quyết	SX	Văn	PKD 3	Bắc	528,749,500	2,262,609,000	1,895,000,000	-	896,358,500
	KH00105	minh hiếu phát	SX	Huyền	PKD 1	Bắc	-	4,002,823,660	2,017,541,020	-	1,985,282,640
	KH00108	minh anh	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	235,543,500	-	-	-	235,543,500
	KH00113	lưới thép việt	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	3,698,200,308	3,509,864,900	4,417,961,420	-	2,790,103,788
	KH00114	lưới thép hp	TM	Tuấn	PKD 2	Bắc	535,139,100	-	250,000,000	-	285,139,100
	KH00117	lộc thịnh	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	736,050,079	2,577,160,000	1,900,000,000	-	1,413,210,079
	KH00122	lăng pt	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	2,345,796,116	1,557,267,402	2,486,822,656	-	1,416,240,862
	KH00125	lâm nb	TM	Tuấn	PKD 2	Bắc	3,234,197,856	-	600,000,000	-	2,634,197,856
DT022	KH00136	khang mimax	SX	Văn	PKD 3	Bắc	963,936,000	6,257,208,750	5,853,936,000	-	1,367,208,750
DT018	KH00137	kdg	TM	Tuấn	PKD 2	Bắc	-	1,489,228,600	1,456,694,367	-	32,534,233
	KH00141	hùng nam phát	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	524,650,750	1,504,602,000	1,533,411,250	-	495,841,500
	KH00143	hùng gia	TM	Tuấn	PKD 2	Bắc	1,432,080,018	983,367,000	979,390,867	-	1,436,056,151
	KH00156	hoàng điệp	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	515,457,000	508,572,000	515,457,000	-	508,572,000
DT034	KH00163	hiển tuấn	SX	Văn	PKD 3	Bắc	143,987,800	1,038,484,650	1,075,659,000	-	106,813,450
	KH00164	hảo kinh môn	SX	Huyền	PKD 1	Bắc	1,018,655,000	2,595,088,750	2,373,230,463	-	1,240,513,287
DT013	KH00169	hà tâm	TM	Văn	PKD 3	Bắc	302,694,200	779,174,900	783,016,000	-	298,853,100
	KH00171	hà mạnh	SX	Văn	PKD 3	Bắc	234,190,740	2,462,532,990	2,021,387,000	-	675,336,730
	KH00180	đức thắng hd	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	1,311,894,220	6,892,630,900	6,419,000,000	-	1,785,525,120
	KH00195	cường thắng	TM	Văn	PKD 3	Bắc	657,400	3,528,758,300	3,433,352,200	-	96,063,500
	KH00198	cty yb	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	1,238,745,125	540,379,200	400,000,000	-	1,379,124,325
DT035	KH00207	cty alpha	SX	Tuấn	PKD 2	Bắc	0	-	-	-	0
	KH00213	chức hải dương	TM	Văn	PKD 3	Bắc	-	2,040,247,940	1,811,559,140	-	228,688,800
	KH00214	chú tiến	SX	Văn	PKD 3	Bắc	175,160,400	477,048,000	575,160,400	-	77,048,000
	KH00216	chiến trang	SX	Văn	PKD 3	Bắc	-	1,003,259,400	978,388,600	-	24,870,800
DT011	KH00217	chiến bừng	SX	Văn	PKD 3	Bắc	-	1,916,343,000	1,785,000,000	-	131,343,000
DT015	KH00235	bác chanh	SX	Văn	PKD 3	Bắc	438,865,941	1,618,173,000	1,363,460,000	-	693,578,941
	KH00237	an minh đức	TM	Tuấn	PKD 2	Bắc	528,405,913	1,541,166,900	1,564,712,368	-	504,860,445
	KH00239	a vụ	SX	Văn	PKD 3	Bắc	267,840	3,111,420,200	2,420,204,040	-	691,484,000
	KH00244	a trình	TM	Văn	PKD 3	Bắc	9,000	968,593,500	485,251,500	-	483,351,000
	KH00250	a phú	TM	Văn	PKD 3	Bắc	1,980,935,581	533,792,270	970,000,000	-	1,544,727,851
	KH00252	a nghi	TM	Văn	PKD 3	Bắc	642,661,450	-	-	-	642,661,450
	KH00259	a bình	TM	Văn	PKD 3	Bắc	109,494,000	953,475,600	585,874,800	-	477,094,800

Scanned with CamScanner